

PHỤ LỤC
CÁC ĐIỀU, KHOẢN CỤ THỂ ĐƯỢC RÀ SOÁT TRONG CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO
NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 13/2020/NĐ-CP NGÀY 21/01/2021 HƯỚNG DẪN CHI TIẾT
LUẬT CHĂN NUÔI

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNN-CN ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi)

TÊN VĂN BẢN ĐƯỢC RÀ SOÁT	QUY ĐỊNH	DỰ KIẾN HƯỚNG XỬ LÝ TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH
I. CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO QUỐC HỘI BAN HÀNH		
1. Hiến pháp	Toàn bộ các quy định của Hiến pháp	Toàn bộ nội dung của dự thảo Nghị định được quy định bảo đảm phù hợp với Hiến pháp.
2. Luật Chăn nuôi	Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2021 hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi quy định các nội dung cụ thể được Luật Chăn nuôi giao về giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, điều kiện chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi, cụ thể như sau:	- Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP trên cơ sở bám sát các quy định được Luật Chăn nuôi giao Chính phủ quy định chi tiết, cụ thể như sau:
	Khoản 3 Điều 19 Luật Chăn nuôi quy định “3. Chính phủ ban hành Danh mục giống vật nuôi cần bảo tồn và Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu; quy định trình tự, thủ tục ban hành, cập nhật Danh mục giống vật nuôi cần bảo tồn và Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu.”	Thay thế Phụ lục II Danh mục Giống vật nuôi cần bảo tồn ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP theo hướng đưa ra khỏi Danh mục Giống vật nuôi cần bảo tồn đối với các giống vật nuôi đã được đưa vào khai thác, phát triển; đồng thời, bổ sung các giống vật nuôi cần phải thực hiện bảo tồn trong thời gian tới cho phù hợp với yêu cầu quản lý và tình hình thực tế.
	Khoản 4 Điều 39 Luật Chăn nuôi quy định “4. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại.”	Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 10 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP theo hướng bỏ hệ kinh doanh sản xuất TACN truyền thống thương mại và bổ sung “Cơ sở sản xuất thực phẩm đáp ứng các quy định của pháp luật Việt

		Nam về an toàn thực phẩm có sản phẩm thực phẩm, phụ phẩm được tạo ra trong quá trình sản xuất thực phẩm có chất lượng phù hợp làm thức ăn chăn nuôi mà không qua bất kỳ bước sơ chế, chế biến nào khác của cơ sở đó.” đối với trường hợp không phải đánh giá, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất TACN.
		Bổ sung khoản 6 Điều 11 như sau: “6. Trình tự, thủ tục đánh giá giám sát: Trong thời gian 06 tháng trước thời điểm đánh giá giám sát quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 11 Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày thông báo, cơ quan đánh giá thành lập đoàn đánh giá và tổ chức đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 11 Nghị định này. Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá, cơ quan có thẩm quyền ban hành Thông báo kết quả đánh giá theo Mẫu số 13.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này”.
	Khoản 4 Điều 58 Luật Chăn nuôi quy định: “4. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.”	Bổ sung khoản 4a sau khoản 4 Điều 24 như sau: 4a) Trình tự, thủ tục đánh giá giám sát: Trong thời gian 06 tháng trước thời điểm đánh giá giám sát, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày thông báo, cơ quan đánh giá thành lập đoàn đánh giá và tổ chức đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 24 Nghị định này. Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá, cơ quan đánh giá ban hành Thông báo kết quả đánh giá theo Mẫu số 06.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.”
	Điều 43 Luật Chăn nuôi quy định về kiểm tra nhà	- Bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-

	nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi.	CP quy định về Giấy chứng nhận lưu hành tự do trong hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với nguyên liệu đơn và thức ăn truyền thống. - Bổ sung Điều 18a sau Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định về kiểm tra nhà nước chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan, trong đó quy định cụ thể các nội dung về cơ quan kiểm tra, đối tượng, nội dung, tần suất, trình tự và kinh phí thực hiện kiểm tra.
	Điều 52 Luật Chăn nuôi quy định về quy mô chăn nuôi và khoản 2 giao “Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và đoạn mở đầu khoản 2 Điều 21 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP như sau: “1. Quy mô chăn nuôi được xác định bằng số đơn vị vật nuôi tại cùng một thời điểm đối với các loại vật nuôi được quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này. 2. Quy mô chăn nuôi được quy định như sau:”
	Khoản 5 Điều 78 Luật Chăn nuôi quy định “5. Chính phủ quy định chi tiết điểm d khoản 3 Điều này; việc nhập khẩu vật nuôi sống làm thực phẩm và cửa khẩu được phép tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam.”	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 29 như sau: “2. Trừ trường hợp thỏa thuận giữa Việt Nam và nước ngoài có quy định khác, các cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam bao gồm: a) Cảng hàng không quốc tế; b) Cửa khẩu biên giới đất liền: Cửa khẩu quốc tế và cửa khẩu chính; c) Cảng biển đặc biệt, cảng biển loại I, cảng biển loại II và cảng biển loại III;”
	Điều 62 Luật Chăn nuôi quy định về quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Điều 63 Luật Chăn nuôi quy định về quản lý cơ sở sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và giao	- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 30, Điều 31 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, kinh doanh sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi.

	Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	- Bổ sung Điều 32a quy định về cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở bao gồm quy định về Cơ quan có thẩm quyền, thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục và chi phí cho việc cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Đồng thời, quy định về đánh giá cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất - Bổ sung Điều 32b quy định về điều kiện cơ sở mua bán, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhằm bảo đảm việc quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm đối sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. - Bổ sung Điều 32c quy định về xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. - Bổ sung Điều 32d quy định về kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi bao gồm nội dung về kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhập khẩu và kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi sản xuất và lưu hành trong nước. - Bổ sung Điều 32d quy định về xử lý kết quả thử nghiệm về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. - Bổ sung Điều 32e quy định về xử lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi vi phạm chất lượng. - Bổ sung Điều 32g quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ sở sản xuất, mua bán, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi.
3. Luật An toàn thực	Chương V Luật An toàn thực phẩm quy định về chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 10 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP theo hướng bổ sung trường hợp “Cơ sở

phẩm	trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm.	sản xuất thực phẩm đáp ứng các quy định của pháp luật Việt Nam về an toàn thực phẩm có sản phẩm thực phẩm, phụ phẩm được tạo ra trong quá trình sản xuất thực phẩm có chất lượng phù hợp làm thức ăn chăn nuôi mà không qua bất kỳ bước sơ chế, chế biến nào khác của cơ sở đó.” không phải đánh giá, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất TACN.
4. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	- Khoản 16 Điều 3 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định: “16. Cơ quan có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi là cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa) là cơ quan được phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.” - Khoản 1 Điều 45 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định: “1. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc phạm vi được phân công theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật này và hàng hóa trong xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng thuộc phạm vi được phân công theo quy định tại khoản 5 Điều 68 và khoản 2 Điều 70 của Luật này.” - Điểm b khoản 2 Điều 70 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định: “b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm đối với cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chế phẩm sinh học dùng trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công trình thủy lợi, dê điều;”	1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 18 như sau: a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau: “4. Trình tự kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu được quy định như sau: a) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này đến cơ quan kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều này. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan kiểm tra trả lời tính đầy đủ của hồ sơ. b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, cơ quan kiểm tra thẩm định nội dung hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, cơ quan kiểm tra yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp đạt yêu cầu, cơ quan kiểm tra xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng để tổ chức, cá nhân làm thủ tục theo quy định tại điểm c, điểm d khoản này. c) Đối với thức ăn chăn nuôi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này: Tổ chức, cá nhân được phép thông quan ngay sau khi hoàn tất thủ tục hải quan. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thông quan lô hàng, tổ chức, cá nhân nộp kết quả đánh giá sự phù hợp về cơ quan kiểm tra. Tổ chức, cá nhân phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả tự đánh giá sự phù hợp và bảo đảm lô hàng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng. Trường hợp lô hàng có kết quả kiểm tra không phù hợp, tổ chức, cá nhân phải báo cáo cơ quan kiểm tra hoặc tổ chức chứng nhận hợp quy phải thông báo cho cơ quan kiểm tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Khoản 1 và khoản 2 Điều 27 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định: “1. Kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất bao gồm các nội dung sau đây: a) Kiểm tra việc áp dụng yêu cầu quy định trong quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến điều kiện của quá trình sản xuất và các biện pháp quản lý nhà nước về chất lượng trong sản xuất; b) Kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp, nhãn hàng hóa, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các tài liệu kèm theo sản phẩm cần kiểm tra; c) Thử nghiệm mẫu theo tiêu chuẩn đã công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khi cần thiết. 2. Kiểm tra chất lượng hàng hóa trong nhập khẩu, lưu thông trên thị trường bao gồm các nội dung sau đây: a) Kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp, nhãn hàng hóa, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa cần kiểm tra; b) Thử nghiệm mẫu theo tiêu chuẩn đã công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khi cần thiết. 3. Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa do cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định tại Điều 45 của Luật này tiến hành.” - Điều 29 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định về kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất như sau: “1. Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất được tiến hành theo một trong các trường hợp sau đây: a) Hàng hóa xuất khẩu không bảo đảm chất lượng quy định tại Điều 32 của Luật này;	d) Đối với thức ăn chăn nuôi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này: Tổ chức, cá nhân hoàn tất thủ tục khai báo hải quan, lựa chọn tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thức ăn chăn nuôi được chỉ định để đánh giá sự phù hợp của lô hàng. Trường hợp lô hàng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, tổ chức chứng nhận hợp quy cấp Giấy chứng nhận hợp quy cho lô hàng để tổ chức, cá nhân nộp cho cơ quan hải quan làm thủ tục thông quan, đồng thời thông báo cho cơ quan kiểm tra. Trường hợp lô hàng có kết quả kiểm tra không phù hợp, tổ chức chứng nhận hợp quy thông báo cho cơ quan kiểm tra để xử lý theo quy định của pháp luật.” b) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm c khoản 5 như sau: “a) Việc miễn giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu áp dụng đối với thức ăn chăn nuôi cùng loại (tên gọi, mã số công nhận, thành phần nguyên liệu, chất lượng, công dụng, dạng, màu) của cùng cơ sở sản xuất, cùng đơn vị nhập khẩu sau 03 lần nhập khẩu liên tiếp có kết quả đánh giá phù hợp được cơ quan kiểm tra có văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng trong thời hạn 01 năm. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu chọn sản phẩm thức ăn chăn nuôi đủ điều kiện miễn giảm theo quy định tại khoản này và gửi văn bản đề nghị miễn giảm kiểm tra chất lượng đến cơ quan kiểm tra với các thông tin sau: Tên thức ăn chăn nuôi, mã số công nhận, thành phần nguyên liệu, chất lượng, công dụng, dạng, màu, tên cơ sở sản xuất; kèm kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của 03 lần liên tiếp. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan kiểm tra có văn bản xác nhận sản phẩm được miễn giảm kiểm tra chất lượng. c) Trong thời gian được miễn giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu, tổ chức cá nhân không phải thực hiện công bố hợp quy cho từng lô hàng
---	---

	b) Hàng hóa lưu thông trên thị trường không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 40 của Luật này. 2. Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất do cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa được thực hiện dưới hình thức đoàn kiểm tra quy định tại Điều 48 của Luật này. 3. Trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất được quy định như sau: a) Xuất trình quyết định kiểm tra; b) Tiến hành kiểm tra theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này; c) Lập biên bản kiểm tra; d) Thông báo cho người sản xuất và báo cáo cho cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa về kết quả kiểm tra; đ) Xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 30 của Luật này.”	nhập khẩu nhưng phải thực hiện đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng theo biện pháp quy định tại khoản 2 Điều này với tần suất 03 tháng 01 lô hàng nhập khẩu. Tổ chức cá nhân phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về chất lượng đối với các lô hàng được áp dụng chế độ miễn giảm kiểm tra.” c) Bổ sung khoản 6 như sau: “6. Các trường hợp được miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi khi nhập khẩu gồm: a) Thức ăn chăn nuôi tạm nhập tái xuất; b) Thức ăn chăn nuôi quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển; c) Thức ăn chăn nuôi từ nước ngoài gửi kho ngoại quan; d) Thức ăn chăn nuôi để trưng bày tại hội chợ, triển lãm, quảng cáo; đ) Thức ăn chăn nuôi làm mẫu phân tích tại các phòng thử nghiệm; e) Thức ăn chăn nuôi làm mẫu để thử nghiệm phục vụ khảo nghiệm, giám định, chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, thử nghiệm liên phòng; g) Thức ăn chăn nuôi phục vụ nghiên cứu khoa học.” 2. Bổ sung Điều 18a sau Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP như sau: 18a. Kiểm tra nhà nước chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan 1. Cơ quan kiểm tra: Cục Chăn nuôi và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. 2. Đối tượng kiểm tra: Lô hàng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu không thuộc đối tượng phải lấy mẫu để kiểm tra nhà nước về chất lượng trước thông quan. 3. Nội dung kiểm tra:
--	---	--

		Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 41; khoản 2, khoản 4 Điều 43 và khoản 2 Điều 49 Luật Chăn nuôi. 4. Tần suất kiểm tra a) Kiểm tra định kỳ hằng năm với tần suất không quá 01 lần đối với 01 sản phẩm thức ăn chăn nuôi nhập khẩu có cùng nguồn gốc xuất xứ; không quá 01 lần đối với 01 đơn vị nhập khẩu. Việc lựa chọn sản phẩm và đơn vị nhập khẩu để kiểm tra hằng năm dựa theo các tiêu chí sau đây: a1) Đối với sản phẩm thức ăn chăn nuôi: Bản chất, công dụng, cơ sở sản xuất, nước sản xuất, số lượng nhập khẩu và giá trị nhập khẩu, kết quả kiểm tra chất lượng trong năm liền trước năm kiểm tra; a2) Đối với đơn vị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi: Số lượng nhập khẩu đối với từng sản phẩm của đơn vị, mục đích nhập khẩu; kết quả chấp hành các quy định của pháp luật trong năm liền trước năm kiểm tra; a3) Các tiêu chí khác được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật về thức ăn chăn nuôi (nếu có). b) Kiểm tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm của đơn vị nhập khẩu, hoặc khi có tố cáo, khiếu nại về chất lượng sản phẩm hoặc theo chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên. 5. Trình tự kiểm tra a) Cục Chăn nuôi truy cập thông tin lô hàng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để làm căn cứ xây dựng Chương trình kiểm tra hằng năm quy định tại điểm b khoản này;
--	--	---

		b) Chương trình kiểm tra hằng năm gồm: Tên và địa chỉ đơn vị nhập khẩu cần kiểm tra, số sản phẩm cần kiểm tra, nội dung kiểm tra, cơ quan kiểm tra, thời gian kiểm tra, thời gian báo cáo kết quả kiểm tra; c) Trước ngày 30 tháng 10 hằng năm, Cục Chăn nuôi thông báo Chương trình kiểm tra tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Cơ quan kiểm tra tại khoản 1 Điều này tiến hành kiểm tra và lập Biên bản kiểm tra theo Mẫu số 16.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; xử lý kết quả kiểm tra theo quy định của pháp luật. 6. Kinh phí kiểm tra: Từ nguồn ngân sách hành chính của trung ương và địa phương.
		- Bổ sung Điều 32d. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi 1. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan a) Cơ quan kiểm tra: Cục Chăn nuôi kiểm tra trên phạm vi toàn quốc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra trong phạm vi địa bàn; b) Nội dung kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ nhập khẩu; kiểm tra thực tế về số lượng, khối lượng, quy cách, bao gói, ghi nhãn, hạn sử dụng, xuất xứ và các chỉ tiêu cảm quan khác của sản phẩm; lấy mẫu để thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp về chất lượng và an toàn của sản phẩm. Kiểm tra các nội dung khác theo quy định tại Điều 32b, khoản 3 Điều 32c Nghị định này; c) Tần suất kiểm tra: Kiểm tra định kỳ không quá 02

		lần/năm. Kiểm tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm của đơn vị nhập khẩu, hoặc khi có tố cáo, khiếu nại về chất lượng hoặc theo chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên; d) Trình tự kiểm tra: d1) Cục Chăn nuôi truy cập thông tin sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhập khẩu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để làm căn cứ xây dựng Chương trình kiểm tra hằng năm quy định tại điểm b khoản này; d2) Chương trình kiểm tra hằng năm gồm: Tên và địa chỉ đơn vị nhập khẩu cần kiểm tra, số sản phẩm cần kiểm tra, nội dung kiểm tra, số mẫu kiểm tra, chỉ tiêu phân tích, cơ quan kiểm tra, thời gian kiểm tra, thời gian báo cáo kết quả kiểm tra; d3) Cục Chăn nuôi thông báo Chương trình kiểm tra tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nêu trong Chương trình kiểm tra. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành kiểm tra tại hiện trường, lấy mẫu thử nghiệm và xử lý kết quả kiểm tra theo quy định; gửi báo cáo kết quả kiểm tra kèm theo Biên bản kiểm tra được quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định này, kết quả thử nghiệm và kết quả xử lý vi phạm hành chính (nếu có) về Cục Chăn nuôi và đơn vị được kiểm tra; d4) Kinh phí kiểm tra: Từ nguồn ngân sách của trung ương và địa phương. 2. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi sản xuất và lưu hành trong nước a) Cơ quan kiểm tra: Cục Chăn nuôi kiểm tra trên phạm vi toàn quốc; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra trên địa bàn; b) Nội dung kiểm tra:
--	--	---

		Kiểm tra việc thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp quy; việc thực hiện các biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; việc thực hiện các quy định về ghi nhãn hàng hóa. Lấy mẫu để kiểm tra sự phù hợp của sản phẩm với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; c) Chế độ kiểm tra: Kiểm tra định kỳ không quá 01 lần/năm. Kiểm tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm của đơn vị sản xuất, kinh doanh hoặc khi có tố cáo, khiếu nại về chất lượng hoặc theo chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên.”
	- Khoản 1 Điều 28 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định: “1. Người sản xuất phải thực hiện các yêu cầu về quản lý chất lượng sản phẩm trong sản xuất như sau: a) Áp dụng hệ thống quản lý nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do mình sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. b) Công bố tiêu chuẩn áp dụng quy định tại Điều 23 của Luật này và ghi nhãn theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. c) Lựa chọn chứng nhận hợp chuẩn, công bố hợp chuẩn đối với sản phẩm thuộc nhóm 1. d) Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến quá trình sản xuất, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng đối với sản phẩm thuộc nhóm 2.”	- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 30 như sau: “1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi phải công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp quy theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa. Chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi phải công bố trong tiêu chuẩn áp dụng được quy định tại Mẫu số 01.MTCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này”.
5. Luật Đầu tư	Phụ lục IV Luật Đầu tư năm 2020 quy định “149. Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi” và	Sửa đổi, bổ sung các quy định về sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Nghị định số quy định 13/2020/NĐ-CP:

	“177. Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi” là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Luật này “Điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề quy định tại khoản 2 Điều này được quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	- Sửa đổi, bổ sung Điều 30, Điều 31 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP về quy định đối với sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi lưu thông trên thị trường và khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. - Bổ sung Điều 32a quy định về cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở. - Bổ sung Điều 32b quy định về điều kiện cơ sở mua bán, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. - Bổ sung Điều 32c quy định về xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. - Bổ sung Điều 32d quy định về kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. - Bổ sung Điều 32d quy định về xử lý kết quả thử nghiệm về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. - Bổ sung Điều 32e quy định về xử lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi vi phạm chất lượng. - Bổ sung Điều 32g quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ sở sản xuất, mua bán, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi.
6. Luật Quản lý ngoại thương	Điều 37. Áp dụng biện pháp chứng nhận lưu hành tự do Áp dụng biện pháp chứng nhận lưu hành tự do trong các trường hợp sau đây: 1. Pháp luật quy định hàng hóa phải áp dụng giấy chứng nhận lưu hành tự do; 2. Theo đề nghị của thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đối với trường hợp không thuộc quy	- Bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định về Giấy chứng nhận lưu hành tự do trong hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với nguyên liệu đơn và thức ăn truyền thống.

	định tại khoản 1 Điều này.	
7. Luật Bảo vệ môi trường	Khoản 2 Điều 60 Luật Bảo vệ môi trường quy định: “2. Chuồng trại chăn nuôi quy mô hộ gia đình phải bảo đảm vệ sinh, không gây ô nhiễm tiếng ồn, phát tán mùi khó chịu; chất thải từ hoạt động chăn nuôi phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.” Khoản 2 Điều 89 Luật Bảo vệ môi trường quy định: “2. Tổ chức, cá nhân trong khu dân cư gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ, mùi khó chịu phải thực hiện biện pháp giảm thiểu, không làm tác động xấu đến cộng đồng dân cư.”	Sửa đổi khoản 6 Điều 3 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP như sau: “6. Loa phóng là thiết bị âm thanh để dẫn dụ chim yến, được đặt xung quanh lối ra, vào của chim yến”.
8. Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật	- Điều 48 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quy định: “1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật có trách nhiệm công bố sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy do tổ chức chứng nhận sự phù hợp được chỉ định theo quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật này thực hiện hoặc kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân trên cơ sở kết quả thử nghiệm của phòng thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định. 2. Tổ chức, cá nhân công bố hợp quy phải đăng ký bản công bố hợp quy tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.” - Khoản 2 Điều 49 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quy định: “2. Tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận hợp quy có các nghĩa vụ sau đây: a) Bảo đảm sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường với quy chuẩn kỹ thuật	- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 30 như sau: “3. Hồ sơ công bố thông tin sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi sản xuất trong nước bao gồm: a) Thông tin về cơ sở sản xuất, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi theo Mẫu số 02.MTCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; b) Tiêu chuẩn công bố áp dụng, bản công bố hợp quy của sản phẩm; c) Phiếu kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu an toàn của sản phẩm được cấp bởi phòng thử nghiệm đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm; d) Mẫu của nhãn sản phẩm theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa;” - Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 30 như sau: “4. Hồ sơ công bố thông tin sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhập khẩu bao gồm:

	tương ứng; b) Thể hiện đúng các thông tin đã ghi trong giấy chứng nhận hợp quy, bản công bố hợp quy trên sản phẩm, hàng hoá, bao gói của sản phẩm, hàng hoá, trong tài liệu về đối tượng đã được chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy; c) Cung cấp tài liệu chứng minh việc bảo đảm sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức chứng nhận sự phù hợp; d) Tạm dừng việc cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; đ) Trả chi phí cho việc chứng nhận hợp quy.”	a) Thông tin về cơ sở sản xuất, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi theo Mẫu số 02.MTCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; b) Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale) hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ cấp; c) Bản thông tin về thành phần nguyên liệu, công dụng, hướng dẫn sử dụng của sản phẩm do tổ chức, cá nhân sản xuất cung cấp; d) Bản tiêu chuẩn công bố áp dụng đối với sản phẩm của nhà nhập khẩu bằng tiếng Việt; đ) Mẫu của nhãn sản phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất cung cấp; kèm theo nhãn phụ bằng tiếng Việt; e) Phiếu kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu an toàn của sản phẩm được cấp bởi phòng thử nghiệm đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm.”
--	---	--

II. CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO CHÍNH PHỦ

1. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm	- Điều 11 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định về cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm như sau: “1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm khi hoạt động, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định này. 2. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật an toàn thực phẩm. Riêng đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe, phải tuân thủ các yêu cầu quy định tại Điều 28 Nghị định này.”	Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 10 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP theo hướng bổ sung trường hợp không phải đánh giá, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất TACN đối với “Cơ sở sản xuất thực phẩm đáp ứng các quy định của pháp luật Việt Nam về an toàn thực phẩm có sản phẩm thực phẩm, phụ phẩm được tạo ra trong quá trình sản xuất thực phẩm có chất lượng phù hợp làm thức ăn chăn nuôi mà không qua bất kỳ bước sơ chế, chế biến nào khác của cơ sở đó.”
2. Nghị định số	- Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP bổ	1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 18 về trình tự

74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	sung khoản 9 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP quy định như sau: “9. Kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu là trách nhiệm của cơ quan được phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc bộ quản lý ngành, lĩnh vực, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; việc công bố hợp quy thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật”. - Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP sửa đổi khoản 2 Điều 12 Nghị định 132/2008/NĐ-CP quy định như sau: “2. Căn cứ vào kế hoạch kiểm tra được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đột xuất hoặc trong trường hợp có chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa tiến hành kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường theo các nội dung sau: a) Kiểm tra việc đáp ứng các yêu cầu quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; b) Sau khi kiểm tra các yêu cầu quy định tại Điểm a Khoản này, nếu xét thấy có dấu hiệu không bảo đảm chất lượng thì tiến hành lấy mẫu, thử nghiệm mẫu tại tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật để kiểm tra sự phù hợp của hàng hóa với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Tổ chức đánh giá sự phù hợp phải độc lập, khách quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đánh giá sự phù hợp của mình”.	kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu và đánh giá giám sát lô thức ăn chăn nuôi được miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng. 2. Bổ sung Điều 18a vào sau Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định về kiểm tra nhà nước chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan. 3. Bổ sung Điều 32d quy định về kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi
	Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP bổ sung Điều 13a Nghị định 132/2008/NĐ-CP quy định như sau: “Điều 13a. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa lưu	Bổ sung Điều 32e quy định về xử lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi vi phạm chất lượng

	thông trên thị trường 1. Sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường phải bảo đảm không gây mất an toàn cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường. 2. Khi phát hiện sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường không phù hợp yêu cầu về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc có khả năng gây mất an toàn cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường thì tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xử lý, thu hồi sản phẩm, hàng hóa đó và thực hiện theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.”	
3. Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.	Điều 10 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP quy định về Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa nhập khẩu như sau: “1. Ban hành Danh mục hàng hóa và thẩm quyền quản lý CFS quy định tại Phụ lục V Nghị định này. 2. Căn cứ yêu cầu quản lý trong từng thời kỳ và trong phạm vi Danh mục hàng hóa quy định tại Khoản 1 Điều này, các bộ, cơ quan ngang bộ công bố chi tiết Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải nộp CFS kèm theo mã HS hàng hóa.”	- Bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định về Giấy chứng nhận lưu hành tự do trong hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với nguyên liệu đơn và thức ăn truyền thống.